UBND TỈNH GIA LAI **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 60 /KH-SYT	*Gia Lai, ngày 27 tháng 02 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số ngành Y tế tỉnh Gia Lai đến năm 2030

Căn cứ Quyết định số 3516/QĐ-BYT ngày 12/11/2025 của Bộ Y tế về việc ban hành Chiến lược Chuyển đổi số của Bộ Y tế giai đoạn 2025 - 2030;

Thực hiện Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 01/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Quyết định ban hành Chương trình công tác trọng tâm của Ủy ban nhân dân tỉnh trong năm 2026;

Sở Y tế xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số ngành Y tế tỉnh Gia Lai đến năm 2030, với những nội dung cụ thể như sau:

PHẦN I
ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ NGÀNH Y TẾ TỈNH GIA LAI GIAI ĐOẠN 2021-2025

Trong giai đoạn 2021-2025, bám sát sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các chủ trương, định hướng chuyển đổi số của Chính phủ, Bộ Y tế, Sở Y tế đã tích cực triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trong ngành Y tế tỉnh Gia Lai đạt được nhiều kết quả quan trọng, tạo nền tảng cho giai đoạn phát triển tiếp theo, cụ thể như sau:

1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành

- 100% đơn vị thuộc Sở Y tế sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành, bảo đảm xử lý công việc trên môi trường điện tử.

- Hệ thống họp trực tuyến được triển khai đồng bộ từ tuyến tỉnh đến tuyến cơ sở, góp phần nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành.

- Dịch vụ công trực tuyến lĩnh vực y tế được cung cấp trên Cổng dịch vụ công của quốc gia theo quy định, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

2. Phát triển dữ liệu số và liên thông, chia sẻ dữ liệu

- Phần mềm Hồ sơ sức khỏe điện tử được triển khai, cập nhật và từng bước liên thông dữ liệu từ các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh theo thời gian thực; tiếp tục mở rộng, hoàn thiện để triển khai đồng bộ trên toàn tỉnh trong năm tiếp theo.

- Hoàn thành kết nối, liên thông dữ liệu khám chữa bệnh với Cơ sở dữ liệu Hệ thống thông tin quản lý tiêm chủng quốc gia, Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo

hiểm y tế và Hệ thống điều phối dữ liệu y tế quốc gia theo đúng quy định.

- Triển khai liên thông Giấy chứng sinh, Giấy báo tử, Giấy khám sức khỏe lái xe lên Cổng giám định bảo hiểm y tế bảo đảm kịp thời, chính xác.

3. Chuyển đổi số trong khám bệnh, chữa bệnh

- 100% cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã triển khai sử dụng phần mềm quản lý bệnh viện (HIS) phục vụ công tác chuyên môn và thanh toán bảo hiểm y tế.

- 100% cơ sở khám bệnh, chữa bệnh triển khai Bệnh án điện tử (EMR) giai đoạn cơ bản và đang tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện giai đoạn nâng cao đúng theo quy định.

- 100% cơ sở khám bệnh, chữa bệnh triển khai KIOSK y tế thông minh, hỗ trợ người dân tra cứu thông tin, đăng ký khám chữa bệnh, thanh toán viện phí và tiếp cận các dịch vụ tiện ích, góp phần cải cách thủ tục hành chính và nâng cao chất lượng phục vụ.

4. Thực hiện Đề án 06 và các tiện ích phục vụ người dân

- 100% nhà thuốc, quầy thuốc và doanh nghiệp bán buôn thuốc trên địa bàn tỉnh được định danh điện tử trên ứng dụng VNeID theo quy định.

- Triển khai hướng dẫn tích hợp thông tin Sổ sức khỏe điện tử trên VNeID tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, tạo thuận lợi cho người dân trong tra cứu, sử dụng thông tin y tế.

- Thực hiện tiếp nhận khám chữa bệnh bằng căn cước công dân gắn chip và triển khai thanh toán không dùng tiền mặt tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh.

5. Hạ tầng công nghệ thông tin

Hạ tầng công nghệ thông tin tại các đơn vị trực thuộc cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý, vận hành và khai thác các hệ thống thông tin chuyên ngành; từng bước được đầu tư nâng cấp theo hướng đồng bộ, an toàn và bảo mật.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi

Công tác chuyển đổi số trong ngành Y tế nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và sự phối hợp của các sở, ban, ngành liên quan; hệ thống văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương và của tỉnh từng bước được hoàn thiện, tạo cơ sở pháp lý cho việc tổ chức triển khai thực hiện.

Lãnh đạo Sở Y tế và thủ trưởng các đơn vị trực thuộc quan tâm chỉ đạo, chủ động xây dựng kế hoạch, lộ trình triển khai chuyển đổi số phù hợp với điều kiện thực tế của từng đơn vị; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong toàn ngành cơ bản đồng thuận, tích cực tham gia và từng bước thích ứng với phương thức làm việc trên môi trường số.

Hạ tầng công nghệ thông tin tại nhiều cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã được đầu tư, nâng cấp; các hệ thống phần mềm quản lý, bệnh án điện tử, họp trực tuyến

từng bước được triển khai, tạo nền tảng thuận lợi cho việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý và hoạt động chuyên môn.

2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác chuyển đổi số ngành Y tế vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần được khắc phục trong giai đoạn tới, cụ thể như sau:

- Hạ tầng công nghệ thông tin giữa các tuyến, đặc biệt tuyến cơ sở, chưa đồng bộ; một số đơn vị còn thiếu trang thiết bị, hệ thống máy chủ, đường truyền chưa đáp ứng yêu cầu triển khai các nền tảng số chuyên sâu.

- Đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin chuyên trách còn thiếu, chủ yếu là kiêm nhiệm, chưa đáp ứng yêu cầu quản trị, vận hành và bảo đảm an toàn hệ thống trong bối cảnh chuyển đổi số toàn diện.

- Dữ liệu chuyên ngành y tế còn phân tán ở nhiều hệ thống khác nhau; việc chuẩn hóa, làm sạch và đồng bộ dữ liệu chưa được thực hiện triệt để, ảnh hưởng đến hiệu quả khai thác, phân tích và sử dụng dữ liệu phục vụ công tác quản lý, điều hành.

- Nguồn kinh phí bố trí cho chuyển đổi số còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu triển khai đồng bộ, toàn diện các nhiệm vụ, dự án theo lộ trình đề ra.

3. Nguyên nhân

Các tồn tại, hạn chế nêu trên xuất phát từ một số nguyên nhân chủ yếu sau:

- Nguồn lực đầu tư cho chuyển đổi số còn hạn chế so với nhu cầu thực tế; việc huy động các nguồn lực xã hội hóa chưa thực sự hiệu quả.

- Nhận thức về vai trò, ý nghĩa của chuyển đổi số ở một bộ phận cán bộ, viên chức chưa đồng đều; kỹ năng số còn hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai và khai thác hệ thống.

- Chưa hình thành đầy đủ cơ chế quản lý, khai thác và chia sẻ dữ liệu thống nhất trong toàn ngành; việc tích hợp, liên thông giữa các hệ thống thông tin còn gặp khó khăn.

PHẦN II
NỘI DUNG KẾ HOẠCH ĐẾN NĂM 2030

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Việc xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số trong ngành Y tế tỉnh Gia Lai đến năm 2030 được thực hiện dựa trên các văn bản pháp lý quan trọng, bao gồm:

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 và Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ;

- Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

- Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;

- Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;

- Quyết định số 2618/QĐ-BKHCN ngày 11/9/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Danh mục và kế hoạch triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng;

- Quyết định số 3516/QĐ-BYT ngày 12/11/2025 của Bộ Y tế về việc Ban hành Chiến lược chuyển đổi số của Bộ Y tế giai đoạn 2025 - 2030;

- Kế hoạch hành động số 22/KH/TU ngày 03/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

- Kế hoạch 31-KH/TU ngày 09/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện nhiệm vụ Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2026.

- Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 07/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 22-KH/TU ngày 03/9/2025 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Sở Y tế xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số ngành Y tế tỉnh Gia Lai đến năm 2030 như sau:

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Chuyển đổi số ngành Y tế tỉnh Gia Lai đến năm 2030 nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong các hoạt động chuyên môn và quản lý nhà nước về y tế; từng bước hình thành nền y tế thông minh với ba trụ cột: phòng bệnh thông minh, khám bệnh, chữa bệnh thông minh và quản trị y tế thông minh. Qua đó nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân, đặc biệt tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; góp phần xây dựng chính quyền số và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Yêu cầu

- Bám sát chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và chỉ

đạo của Trung ương, Bộ Y tế, Tỉnh ủy, UBND tỉnh; bảo đảm triển khai đồng bộ, thống nhất, phù hợp với Chiến lược chuyển đổi số quốc gia, Chiến lược chuyển đổi số Bộ Y tế, Chương trình chuyển đổi số của tỉnh và tuân thủ Khung kiến trúc Chính quyền số của tỉnh.

- Bảo đảm sự thống nhất, liên thông, đồng bộ trong toàn hệ thống y tế từ Trung ương đến địa phương; phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương; lấy người dân, người bệnh làm trung tâm; lấy dữ liệu làm nền tảng phát triển, bảo đảm dữ liệu "đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung - đồng bộ - xuyên suốt".

- Ứng dụng công nghệ số là động lực quan trọng nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và quản trị ngành; góp phần nâng cao năng suất lao động, chất lượng dịch vụ y tế, thúc đẩy phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh.

- Xác định khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là nền tảng và động lực; hạ tầng số phải đi trước một bước; dữ liệu là tài nguyên chiến lược; bảo đảm an toàn, an ninh mạng là điều kiện tiên quyết để chuyển đổi số ngành Y tế tỉnh Gia Lai phát triển nhanh, bền vững.

- Gắn chuyển đổi số với cải cách thủ tục hành chính, triển khai Đề án 06, tăng cường tái sử dụng dữ liệu, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, không phụ thuộc địa giới hành chính; tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, đặc biệt tại khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện ngành Y tế tỉnh Gia Lai trên các lĩnh vực quản lý nhà nước, khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng, dược - trang thiết bị y tế và quản trị nội bộ; hình thành hệ sinh thái dữ liệu y tế tập trung, chuẩn hóa, bảo đảm kết nối, liên thông, chia sẻ đồng bộ với các hệ thống thông tin của tỉnh và của Bộ Y tế; khai thác hiệu quả dữ liệu theo thời gian thực phục vụ công tác thống kê, dự báo, hoạch định chính sách và chỉ đạo, điều hành.

- Xây dựng nền hành chính ngành Y tế hiện đại, minh bạch, chuyên nghiệp; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ y tế số; lấy người dân, người bệnh làm trung tâm; bảo đảm mọi người dân trên địa bàn tỉnh, kể cả tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, được tiếp cận thuận lợi, bình đẳng với các dịch vụ y tế số.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

2.1. Chính quyền số trong ngành Y tế

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- 100% hồ sơ thủ tục hành chính được tiếp nhận, xử lý và trả kết quả trên môi trường điện tử; 100% hồ sơ trực tuyến được người dân, doanh nghiệp thực

hiện toàn trình.

- 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực y tế được định danh và xác thực điện tử thông qua VNeID hoặc các nền tảng định danh theo quy định.

- 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính được cấp dưới dạng điện tử và có giá trị pháp lý theo quy định.

- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực y tế đạt trên 95%.

- 100% hồ sơ công việc (trừ hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước) được xử lý trên môi trường mạng.

- 100% nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao được theo dõi, giám sát, đánh giá trên hệ thống số.

2.2. Phát triển dữ liệu và hạ tầng số

- Hoàn thiện, nâng cấp Trung tâm dữ liệu ngành Y tế hoặc sử dụng hạ tầng điện toán đám mây của tỉnh bảo đảm đáp ứng yêu cầu lưu trữ, tích hợp, chia sẻ và khai thác dữ liệu y tế an toàn, hiệu quả.

- Hoàn thành xây dựng, chuẩn hóa và vận hành các cơ sở dữ liệu chuyên ngành y tế thuộc phạm vi quản lý của tỉnh (khám chữa bệnh, y tế dự phòng, dược, trang thiết bị y tế, nhân lực y tế…); bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin của tỉnh và Bộ Y tế theo quy định.

- 100% hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế được phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.

- Triển khai giải pháp sao lưu, dự phòng và phục hồi thảm họa; bảo đảm khôi phục hoạt động của các hệ thống thông tin quan trọng trong thời gian tối đa 24 giờ khi xảy ra sự cố hoặc theo yêu cầu nghiệp vụ.

2.3. Chuyển đổi số trong khám bệnh, chữa bệnh và y tế dự phòng

- 100% cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập, tư nhân trên địa bàn tỉnh triển khai bệnh án điện tử theo lộ trình của Bộ Y tế.

- 100% cơ sở y tế có bộ phận khám chữa bệnh từ xa; tối thiểu 70% Trung tâm Y tế triển khai hội chẩn, tư vấn chuyên môn từ xa thường xuyên.

- Hoàn thiện, cập nhật Hồ sơ sức khỏe điện tử cho tối thiểu 95% dân số trên địa bàn tỉnh.

- Phát triển và từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), phân tích dữ liệu trong hỗ trợ chẩn đoán, điều trị, dự báo dịch bệnh và quản lý điều hành.

- 100% cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt và tiếp nhận khám chữa bệnh bằng căn cước công dân gắn chip hoặc VNeID theo quy định.

2.4. Bảo đảm vận hành hệ thống

- 100% đơn vị trực thuộc Sở Y tế có hệ thống thông tin phục vụ quản lý, điều hành chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Hình thành hệ thống giám sát, điều hành tập trung của ngành Y tế tỉnh dựa trên dữ liệu số, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành kịp thời, chính xác.

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Thể chế, chính sách số

a) Xây dựng kế hoạch, đề án, chương trình liên quan chuyển đổi số ngành Y tế tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030 và hằng năm; cụ thể hóa các nhiệm vụ phù hợp với điều kiện thực tiễn ngành và của địa phương.

b) Rà soát, cập nhật và triển khai Kiến trúc Chính quyền số tỉnh, Khung kiến trúc số Bộ Y tế; bảo đảm các hệ thống thông tin ngành Y tế tỉnh được xây dựng, nâng cấp tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, yêu cầu kết nối, liên thông dữ liệu theo quy định của Bộ Y tế và của tỉnh.

c) Rà soát, ban hành hoặc tham mưu ban hành các quy chế, quy định nội bộ về quản lý, vận hành, khai thác, bảo đảm an toàn thông tin các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế; chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ gắn với cải cách thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

d) Xây dựng và tổ chức triển khai Chiến lược dữ liệu ngành Y tế tỉnh Gia Lai; xác định dữ liệu là tài sản quan trọng của ngành, bảo đảm việc tạo lập, cập nhật, quản lý, khai thác, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu theo đúng quy định.

đ) Rà soát, chuẩn hóa và cập nhật các danh mục dữ liệu chuyên ngành y tế thuộc phạm vi quản lý của tỉnh (bao gồm dữ liệu nghiệp vụ, dữ liệu dùng chung và dữ liệu mở); bảo đảm đồng bộ với danh mục dữ liệu của Bộ Y tế và của tỉnh.

e) Tham mưu, đề xuất các cơ chế, chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực y tế; thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, sử dụng định danh điện tử và các nền tảng số trong tiếp cận, sử dụng dịch vụ y tế.

2. Hạ tầng số

a) Rà soát, tập trung đầu tư xây dựng hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, bảo đảm khả năng kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các nền tảng số của tỉnh và của Bộ Y tế theo quy định.

b) Phát triển hạ tầng mạng nội bộ và đường truyền số liệu chuyên dùng tại Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc; bảo đảm kết nối tốc độ cao, ổn định, an toàn giữa Sở Y tế với các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh, đáp ứng yêu cầu vận hành bệnh án điện tử, hồ sơ sức khỏe điện tử, khám chữa bệnh từ xa và các hệ thống chuyên ngành khác.

c) Xây dựng hệ thống giám sát, điều hành tập trung của ngành Y tế tỉnh dựa trên nền tảng dữ liệu số; hình thành hệ sinh thái ứng dụng số phục vụ công tác chỉ

đạo, điều hành, theo dõi tiến độ nhiệm vụ và quản lý chuyên môn theo thời gian thực.

3. Nhân lực số

a) Xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động toàn ngành theo từng nhóm đối tượng, gồm:

- Lãnh đạo, quản lý các cấp: bồi dưỡng tư duy chuyển đổi số, kỹ năng quản trị số, điều hành dựa trên dữ liệu.

- Công chức, viên chức, người lao động: trang bị kỹ năng sử dụng thành thạo các hệ thống thông tin chuyên ngành, dịch vụ công trực tuyến, bảo đảm an toàn thông tin và khai thác dữ liệu trong thực hiện nhiệm vụ.

- Cán bộ chuyên trách, phụ trách công nghệ thông tin: đào tạo chuyên sâu về quản trị hệ thống, an toàn, an ninh mạng, quản lý dữ liệu, triển khai bệnh án điện tử, hồ sơ sức khỏe điện tử và các nền tảng số y tế.

Bảo đảm đến năm 2030, 100% cán bộ, viên chức ngành Y tế được đào tạo, cập nhật kỹ năng số cơ bản; mỗi đơn vị trực thuộc có tối thiểu 01 cán bộ phụ trách công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

b) Tăng cường hợp tác với Bộ Y tế, các sở, ngành, cơ sở đào tạo, doanh nghiệp công nghệ và các tổ chức trong và ngoài nước (thông qua các chương trình, dự án hợp tác hợp pháp) nhằm trao đổi kinh nghiệm, cập nhật xu hướng công nghệ mới, nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng công nghệ số và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực y tế.

4. Dữ liệu số

a) Hình thành và phát triển Kho dữ liệu ngành Y tế tỉnh Gia Lai trên cơ sở tích hợp các cơ sở dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của tỉnh (khám bệnh, chữa bệnh; y tế dự phòng; dược; trang thiết bị y tế; nhân lực y tế; dân số - kế hoạch hóa gia đình…); từng bước xây dựng và công bố dữ liệu mở theo quy định của pháp luật.

b) Hoàn thiện hệ thống quản lý, lưu trữ và khai thác dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực y tế; bảo đảm dữ liệu được số hóa, cập nhật, đồng bộ, tái sử dụng hiệu quả, giảm yêu cầu cung cấp lại thông tin nhiều lần cho người dân, doanh nghiệp.

c) Rà soát, chuẩn hóa và vận hành các cơ sở dữ liệu chuyên ngành y tế của tỉnh; bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu của tỉnh và các hệ thống thông tin của Bộ Y tế theo quy định; thực hiện tích hợp, liên thông dữ liệu phục vụ Đề án 06 và các nhiệm vụ chuyển đổi số của tỉnh.

d) Xây dựng nền tảng tổng hợp và phân tích dữ liệu ngành Y tế tỉnh (hệ thống báo cáo thông minh, Dashboard điều hành); bảo đảm thu thập, tổng hợp, phân tích dữ liệu trên cơ sở kế thừa các hệ thống hiện có; phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Sở Y tế và UBND tỉnh; đồng thời bảo đảm khả năng

chia sẻ dữ liệu với các cơ quan nhà nước theo quy định.

đ) Tăng cường công tác quản trị dữ liệu, bảo đảm dữ liệu "đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung"; triển khai các giải pháp làm sạch dữ liệu, chuẩn hóa mã định danh, đồng bộ dữ liệu với các nền tảng quốc gia theo quy định.

5. Nền tảng, ứng dụng số

a) Tiếp tục phối hợp với Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai, mở rộng việc sử dụng Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; bảo đảm dữ liệu được cập nhật đầy đủ, chính xác, phục vụ người dân tra cứu, sử dụng thuận tiện.

b) Khai thác, sử dụng hiệu quả Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh trong lĩnh vực y tế; bảo đảm tích hợp, đồng bộ dữ liệu với các hệ thống chuyên ngành và Cổng dịch vụ công quốc gia theo quy định.

c) Nâng cấp, hoàn thiện Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc; bảo đảm 100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

d) Xây dựng, nâng cấp hệ thống thông tin báo cáo và hệ thống Dashboard điều hành ngành Y tế tỉnh; bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh và của Bộ Y tế theo quy định.

đ) Triển khai, nâng cấp các ứng dụng xử lý nghiệp vụ chuyên ngành phục vụ công tác quản lý nhà nước trong các lĩnh vực: khám bệnh, chữa bệnh; y tế dự phòng; dược – mỹ phẩm; trang thiết bị y tế; an toàn thực phẩm; dân số và các lĩnh vực khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

e) Kết nối, tích hợp các hệ thống thông tin ngành Y tế với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh theo quy định.

g) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong hoạt động chuyên môn y tế; từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), phân tích dữ liệu lớn (Big Data) trong hỗ trợ chẩn đoán, điều trị, quản lý bệnh không lây nhiễm và cảnh báo, dự báo dịch bệnh.

h) Tiếp tục triển khai và hoàn thiện bệnh án điện tử tại 100% cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập; thực hiện liên thông dữ liệu khám chữa bệnh, công nhận kết quả xét nghiệm giữa các cơ sở khám chữa bệnh theo lộ trình và quy định của Bộ Y tế.

i) Phát triển và mở rộng hoạt động khám bệnh, chữa bệnh từ xa; tăng cường hội chẩn, tư vấn chuyên môn giữa tuyến tỉnh và tuyến cơ sở; hỗ trợ người dân tại vùng sâu, vùng xa tiếp cận dịch vụ y tế chất lượng cao, góp phần giảm tải cho tuyến trên.

k) Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống thông tin phục vụ quản lý, điều hành chuyên môn, nghiệp vụ tại Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc; bảo đảm đồng bộ, thống nhất, an toàn, hiệu quả.

l) Tăng cường kết nối, liên thông, trao đổi, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu

giữa các hệ thống thông tin trong ngành Y tế và với các cơ quan, đơn vị liên quan theo quy định, phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ y tế.

6. An toàn thông tin, an ninh mạng

a) Đầu tư, thuê dịch vụ và triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng cho các hệ thống thông tin tại các đơn vị; tăng cường giám sát, cảnh báo sớm, phòng chống tấn công mạng; từng bước ứng dụng công nghệ mới, trí tuệ nhân tạo trong phát hiện, phân tích, xử lý sự cố nhằm bảo vệ dữ liệu và hệ thống trong quá trình chuyển đổi số.

b) Tổ chức rà soát, xây dựng và trình phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin đối với các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý; triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt; thực hiện cập nhật, điều chỉnh khi có thay đổi về quy mô, tính chất, phạm vi hệ thống.

c) Bảo đảm yêu cầu an toàn thông tin, an ninh mạng ngay từ khâu thiết kế, xây dựng, nâng cấp, mở rộng, quản lý, vận hành và khi chấm dứt hoạt động các hệ thống thông tin ngành Y tế; thực hiện nguyên tắc "an toàn thông tin theo thiết kế" và "an toàn thông tin theo vòng đời hệ thống".

d) Tổ chức kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng và an ninh mạng tại Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc tối thiểu 01 lần/năm; phối hợp với cơ quan chuyên trách về an toàn thông tin của tỉnh trong giám sát, ứng cứu, xử lý sự cố và diễn tập bảo đảm an toàn thông tin mạng.

V. GIẢI PHÁP

1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành chuyển đổi số

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo chuyển đổi số ngành Y tế tỉnh Gia Lai; phân công rõ trách nhiệm của từng thành viên, gắn trách nhiệm người đứng đầu các phòng chuyên môn và đơn vị trực thuộc với kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền trong triển khai chuyển đổi số; lồng ghép nhiệm vụ chuyển đổi số với cải cách hành chính, xây dựng chính quyền số và thực hiện Đề án 06.

- Ban hành chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của Ban Chỉ đạo; định kỳ tổ chức họp, đánh giá kết quả thực hiện, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; đưa chỉ tiêu chuyển đổi số vào tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các đơn vị.

- Đẩy mạnh ứng dụng các công cụ số trong chỉ đạo, điều hành; tăng cường sử dụng hệ thống quản lý văn bản điện tử, hệ thống báo cáo, bảng điều khiển (Dashboard) phục vụ công tác quản lý, điều hành dựa trên dữ liệu.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ năng số cho công chức, viên chức và người lao động

- Xây dựng và triển khai kế hoạch truyền thông chuyển đổi số ngành Y tế

giai đoạn 2026–2030 với nội dung, hình thức đa dạng, thiết thực, phù hợp từng nhóm đối tượng (lãnh đạo, cán bộ chuyên môn, nhân viên y tế, người dân).

- Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng sử dụng hệ thống thông tin, bảo đảm an toàn thông tin mạng; đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ phụ trách công nghệ thông tin tại Sở và các đơn vị trực thuộc.

- Lồng ghép nội dung chuyển đổi số, cải cách hành chính, an toàn thông tin vào các hội nghị giao ban, hội nghị chuyên môn; khuyến khích học tập trực tuyến, tự học trên các nền tảng số.

- Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, Sổ sức khỏe điện tử, khám chữa bệnh từ xa và các tiện ích số trong lĩnh vực y tế; phát huy vai trò của các cơ sở y tế trong phổ biến, hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ y tế số, đặc biệt tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

3. Phát triển, thu hút nguồn nhân lực chuyển đổi số

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin và chuyển đổi số tại chỗ; tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về quản trị hệ thống, phân tích dữ liệu, an toàn thông tin và quản lý dự án công nghệ thông tin.

- Thực hiện các chính sách khuyến khích, động viên phù hợp theo quy định của pháp luật trong tuyển dụng, bố trí, sử dụng, chuyển ngạch, nâng ngạch đối với đội ngũ cán bộ có năng lực về công nghệ thông tin; ưu tiên bố trí cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm về chuyển đổi số tại các đơn vị trực thuộc.

- Tăng cường hợp tác với các sở, ngành, cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, doanh nghiệp công nghệ trong và ngoài tỉnh nhằm trao đổi kinh nghiệm, tiếp cận giải pháp, công nghệ mới phục vụ chuyển đổi số ngành Y tế; huy động nguồn lực xã hội hóa cho phát triển hạ tầng và ứng dụng công nghệ số theo quy định.

- Khuyến khích cán bộ, viên chức chủ động nghiên cứu, đề xuất sáng kiến, giải pháp ứng dụng công nghệ số trong công tác chuyên môn; từng bước hình thành đội ngũ nhân lực số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số ngành Y tế trong giai đoạn mới.

4. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ và ứng dụng hiệu quả các công nghệ số

- Chủ động nghiên cứu, lựa chọn và triển khai ứng dụng các công nghệ số phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT) trong y tế, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, khám bệnh, chữa bệnh và y tế dự phòng.

- Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ, cơ sở đào tạo, đơn vị chuyên môn để thí điểm, đánh giá và nhân rộng các mô hình ứng dụng công nghệ mới trong chẩn đoán, điều trị, quản lý bệnh, giám sát dịch tễ và điều hành dựa trên dữ liệu.

- Ưu tiên ứng dụng công nghệ số phục vụ người dân, đặc biệt tại vùng sâu,

vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; bảo đảm tính thiết thực, hiệu quả, tránh đầu tư dàn trải, hình thức.

- Bảo đảm việc nghiên cứu, ứng dụng công nghệ số gắn với yêu cầu an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu cá nhân và tuân thủ quy định của pháp luật.

5. Đảm bảo nguồn lực tài chính

- Chủ động xây dựng dự toán kinh phí hằng năm và trung hạn để thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số ngành Y tế; tổng hợp, đề xuất cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

- Ưu tiên bố trí nguồn lực cho các nhiệm vụ trọng tâm, có tính nền tảng như: xây dựng, nâng cấp hệ thống thông tin; triển khai bệnh án điện tử; bảo đảm an toàn thông tin mạng; đào tạo, phát triển nguồn nhân lực số.

- Tăng cường huy động các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định của pháp luật như xã hội hóa, hợp tác công - tư, thuê dịch vụ công nghệ thông tin; khuyến khích doanh nghiệp tham gia đầu tư, cung cấp giải pháp chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế.

- Thực hiện quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm; tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư công, đấu thầu, thuê dịch vụ công nghệ thông tin và các quy định tài chính có liên quan.

6. Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức nghiên cứu

- Đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ số, cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu trong nước nhằm trao đổi kinh nghiệm, tiếp nhận chuyển giao giải pháp, công nghệ phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

- Tổ chức tham quan, học tập mô hình chuyển đổi số hiệu quả tại các địa phương, cơ sở y tế trong nước; chia sẻ kinh nghiệm triển khai bệnh án điện tử, y tế từ xa, phân tích dữ liệu y tế, bảo đảm an toàn thông tin.

- Tham gia các chương trình, đề án, sáng kiến chuyển đổi số do Bộ Y tế, các bộ, ngành Trung ương và tổ chức quốc tế triển khai; tranh thủ nguồn hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo, tư vấn trong khuôn khổ các chương trình hợp tác hợp pháp.

- Khuyến khích các hình thức hợp tác phù hợp với quy định pháp luật, bảo đảm an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu và lợi ích của người dân khi triển khai các giải pháp công nghệ mới trong lĩnh vực y tế.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ ngân sách nhà nước bao gồm kinh phí chi thường xuyên và đầu tư công được cân đối, bố trí cho ngành Y tế và địa phương.

- Các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế

- Là đầu mối tham mưu Lãnh đạo Sở tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch Chuyển đổi số ngành Y tế tỉnh Gia Lai đến năm 2030; phối hợp với các phòng chức năng và các đơn vị trực thuộc Sở trong quá trình thực hiện; định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Y tế theo quy định.

- Hằng năm, căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch, tham mưu xây dựng kế hoạch chuyển đổi số của ngành Y tế; đề xuất danh mục nhiệm vụ, dự án, kinh phí thực hiện; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tiến độ và đánh giá kết quả triển khai.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai các nhiệm vụ về xây dựng, nâng cấp hạ tầng số; phát triển, quản lý và khai thác dữ liệu y tế; triển khai bệnh án điện tử, hồ sơ sức khỏe điện tử, hệ thống giám sát dịch bệnh và các nền tảng số chuyên ngành; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng trong phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Y tế

- Chủ trì tham mưu bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo phân cấp ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác; hướng dẫn các đơn vị xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định.

- Chủ trì tham mưu thủ tục đầu tư công, mua sắm, thuê dịch vụ công nghệ thông tin; phối hợp thẩm định danh mục, cấu hình, giải pháp kỹ thuật theo đề xuất của Phòng Nghiệp vụ Y và các đơn vị chuyên môn.

- Theo dõi, kiểm tra tiến độ thực hiện các dự án, nhiệm vụ chuyển đổi số sử dụng ngân sách; tổng hợp tình hình giải ngân, báo cáo Lãnh đạo Sở theo quy định.

3. Các phòng, Văn phòng Sở Y tế

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, Văn phòng Sở Y tế tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo tiến độ; tham mưu, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để hướng dẫn thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của ngành Y tế với hệ thống thông tin của tỉnh; cho ý kiến kỹ thuật trong quá trình xây dựng, phát triển các nền tảng số; hỗ trợ, hướng dẫn người dân khai thác các nền tảng số ngành Y tế.

4. Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế

- Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được phân công, chủ động đánh giá tình hình ứng dụng công nghệ thông tin và khẩn trương xây dựng chương trình chuyển đổi số cho phù hợp với sự phát triển của đơn vị và nội dung trong Kế hoạch này.

- Hàng năm đề xuất các nhiệm vụ chuyển đổi số báo cáo Sở Y tế để tổng hợp, bổ sung vào Kế hoạch chung của toàn Ngành.

5. Các bệnh viện tuyến trung ương, bệnh viện đa khoa/chuyên khoa, phòng khám đa khoa tư nhân, trạm y tế xã/phường trên địa bàn tỉnh

Tiếp tục triển khai liên thông dữ liệu khám chữa bệnh của đơn vị lên hệ thống phần mềm Hồ sơ sức khỏe điện tử của ngành, của địa phương, đảm bảo đầy

đủ, kịp thời theo thời gian thực.

6. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật

Chủ động phối hợp các cơ quan báo, đài địa phương, đơn vị có liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến Kế hoạch này và các hoạt động chuyển đổi số ngành Y tế; tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân khai thác các nền tảng số ngành Y tế.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này, nếu có phát sinh, vướng mắc, các đơn vị kịp thời báo cáo bằng văn bản về Sở Y tế để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:
- Bộ Y tế;
- UBND tỉnh;
- Sở KH&CN;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- Các Bệnh viện tuyến TW trên địa bàn tỉnh;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Các BV đa khoa, chuyên khoa tư nhân, các PKĐK tư nhân trên địa bàn tỉnh;
- Các phòng, VP Sở;
- Lưu: VT, NVY, TCCB.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH GIA LAI

Lê Quang Hùng

Phụ lục

DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ NGÀNH Y TẾ TỈNH GIA LAI ĐẾN NĂM 2030

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Mục tiêu chính của nhiệm vụ/dự án	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Phối hợp	Ghi chú
I	**THỂ CHẾ SỐ**					
1	Xây dựng Chiến lược dữ liệu ngành Y tế	Xác định danh mục dữ liệu chuyên ngành, dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở	2026–2027	Sở Y tế	Các đơn vị trực thuộc	
2	Xây dựng quy chế quản lý, khai thác, chia sẻ dữ liệu y tế	Ban hành quy chế nội bộ toàn ngành	2026–2027	Sở Y tế	Công an tỉnh; Sở KH&CN	
II	**HẠ TẦNG SỐ**					
3	Đầu tư, nâng cấp hạ tầng CNTT tại các cơ sở KCB trực thuộc Sở Y tế	Đảm bảo đủ điều kiện triển khai BAĐT nâng cao	2026	Sở Y tế; Các đơn vị KCB trực thuộc Sở	Sở Tài chính; Sở KH&CN	
III	**DỮ LIỆU SỐ**					
4	Xây dựng Kho dữ liệu ngành Y tế tỉnh	Tập trung dữ liệu KCB tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh	2026–2028	Sở Y tế	Các đơn vị KCB trên địa bàn tỉnh	
5	Xây dựng Hệ thống phân tích dữ liệu, Dashboard điều hành	Phân tích, báo cáo thời gian thực	2027–2029	Sở Y tế	Các đơn vị KCB trực thuộc Sở	
6	Kết nối, tích hợp dữ liệu với LGSP tỉnh	Kết nối CSDL y tế với hệ thống tỉnh	2026–2030	Sở Y tế;	Sở KH&CN; Công an tỉnh	

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Mục tiêu chính của nhiệm vụ/dự án	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Phối hợp	Ghi chú
				Các đơn vị KCB trực thuộc Sở		
IV	**NỀN TẢNG SỐ, ỨNG DỤNG CHUYÊN NGÀNH**					
7	Tiếp tục triển khai bệnh án điện tử, liên thông dữ liệu hồ sơ bệnh án để công nhận kết quả xét nghiệm sinh hóa của người bệnh giữa các cơ sở khám, chữa bệnh	100% cơ sở KCB trên địa bàn tỉnh triển khai Bệnh án điện tử; công nhận kết quả xét nghiệm giữa các cơ sở khám, chữa bệnh	Theo tiến độ	Các cơ sở KCB trên địa bàn tỉnh	Doanh nghiệp cung cấp phần mềm Quản lý bệnh viện, cung cấp CNTT.	
8	Phát triển, ứng dụng công nghệ số, trí tuê nhân tạo (AI) trong các lĩnh vực y tế, đặc biệt trong chẩn đoán, điều trị, cảnh báo dịch, …	Nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính kịp thời trong công tác khám bệnh, chữa bệnh và y tế dự phòng thông qua việc ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo; hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu, giảm tải cho cán bộ y tế và tăng khả năng tiếp cận dịch vụ y tế chất lượng cho người dân	2026–2030	Sở Y tế; Các Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa trực thuộc Sở	Doanh nghiệp cung cấp phần mềm Quản lý bệnh viện, cung cấp CNTT.	
9	Khám chữa bệnh từ xa	Các cơ sở y tế có bộ phận khám chữa bệnh từ xa	2026–2030	Các cơ sở KCB trên địa bàn tỉnh		Theo lộ trình quy định Bộ Y tế
10	Triển khai Sổ sức khỏe điện tử tích hợp VNeID	Đồng bộ dữ liệu khám chữa bệnh lên hệ thống giám định BHYT và hệ thống điều phối dữ liệu y tế quốc gia; 95% dân số có Sổ sức khỏe điện tử.	2026–2030	Sở Y tế	Các cơ sở KCB trên địa bàn tỉnh	

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Mục tiêu chính của nhiệm vụ/dự án	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Phối hợp	Ghi chú
11	Triển khai phần mềm Hồ sơ sức khỏe điện tử	Tạp lập và cập nhật, phổ cập, liên thông dữ liệu từ các cơ sở KCB, cơ sở tiêm chủng trên địa bàn tỉnh; 90% người dân có Hồ sơ sức khỏe điện tử.	2026	Sở Y tế	Các cơ sở KCB trên địa bàn tỉnh; Đơn vị cung cấp phần mềm Quản lý bệnh viện (HIS) và phần mềm Hồ sơ sức khỏe điện tử	
12	Hệ thống quản lý y tế dự phòng và giám sát dịch bệnh	Giám sát, cảnh báo sớm	2026–2028	Sở Y tế	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật; Các cơ sở KCB trên địa bàn tỉnh	Giám sát, cảnh báo sớm
13	Ứng dụng (IoT) quản lý dược, vật tư, trang thiết bị y tế	Nghiên cứu, thí điểm ứng dụng công nghệ Internet vạn vật (IoT) trong quản lý kho thuốc, dây chuyền lạnh vaccine và giám sát trang thiết bị y tế tại một số đơn vị đủ điều kiện; trên cơ sở đánh giá hiệu quả để xem xét nhân rộng.	2027–2030	Sở Y tế; Các bệnh viện đa khoa/chuyên khoa trực thuộc Sở.	Doanh nghiệp cung cấp ứng dụng CNTT	
V	**NHÓM AN TOÀN THÔNG TIN**					
14	Phê duyệt cấp độ ATTT 100% hệ thống	- Hoàn thành hồ sơ cấp độ đúng quy định; - Triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt; - Thực hiện cập nhật, điều chỉnh khi có thay đổi về quy mô, tính chất, phạm vi hệ thống.	2026	Các cơ sở KCB trực thuộc Sở	Công an tỉnh; Sở KH&CN.	Thường xuyên hằng năm

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Mục tiêu chính của nhiệm vụ/dự án	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Phối hợp	Ghi chú
15	Triển khai/thuê dịch vụ giám sát ATTT (SOC)	Giám sát, cảnh báo, ứng cứu sự cố	2026–2030	Các cơ sở KCB trực thuộc Sở	Công an tỉnh; Sở KH&CN; Doanh nghiệp cung cấp ứng dụng CNTT	
16	Kiểm tra, đánh giá ATTT định kỳ	Tối thiểu 01 lần/năm	Hàng năm	Các cơ sở KCB trực thuộc Sở	Công an tỉnh; Sở KH&CN.	
VI	**NHÓM NHÂN LỰC SỐ**					
17	Đào tạo kỹ năng số cho công chức, viên chức, người lao đông trong ngành y tế	100% nhân viên y tế được tập huấn, đào tạo nhận thức, kỹ năng số	Hằng năm	Các cơ sở KCB trực thuộc Sở	Công an tỉnh; Sở Nội vụ; Sở KH&CN	
18	Đào tạo chuyên sâu CNTT, ATTT	Cử đội ngũ phụ trách công nghệ thông tin tại các đơn vị tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, đào tạo về an toàn thông tin mạng do cơ quan có thẩm quyền và các đơn vị liên quan tổ chức, nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng phòng ngừa và ứng phó sự cố an toàn thông tin.	Hằng năm	Các cơ sở KCB trực thuộc Sở	Bộ Y tế; Công an tỉnh; Sở KH&CN.	
VII	**NHÓM DỊCH VỤ CÔNG VÀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**					
19	Chuẩn hóa, số hóa hồ sơ TTHC	100% hồ sơ số hóa	2026–2030	Sở Y tế	Các phòng, Văn phòng Sở Y tế; Các cơ sở KCB trực thuộc Sở.	

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Mục tiêu chính của nhiệm vụ/dự án	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Phối hợp	Ghi chú
20	Tích hợp dịch vụ công lên Cổng DVC quốc gia	Bảo đảm các dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực y tế của tỉnh được tích hợp, cung cấp thống nhất trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính mọi lúc, mọi nơi; đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát, công khai, minh bạch trong giải quyết thủ tục hành chính.	2026–2030	Sở Y tế	Các phòng, Văn phòng Sở Y tế; Các cơ sở KCB trực thuộc Sở.	Theo lộ trình tỉnh
21	Triển khai trợ lý ảo (AI) ngành Y tế	- Nhân viên y tế: Tra cứu nhanh văn bản, quy trình, tài liệu chuyên môn phục vụ công tác. - Người dân, doanh nghiệp: Tra cứu thủ tục hành chính và tình trạng giải quyết hồ sơ lĩnh vực y tế.	2026–2027	Sở Y tế	Các phòng, Văn phòng Sở Y tế; Các cơ sở KCB trực thuộc Sở.	